

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
TỈNH P**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 27 - 4 - 2021

“Vv tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Lương Viết Tú**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thành Lâm**

Ông **Đỗ Minh Thân**

- Thư ký phiên toà: Ông **Lê Anh Xuân Ngọc** là Thư ký Toà án của Toà án nhân dân huyện TT, tỉnh P

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh P tham gia phiên toà: Bà **Hà Thị Phương Thảo** - Kiểm sát viên

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2021. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TT, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 149/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Phạm Hữu K**, sinh năm 1986; Địa chỉ: Khu 3, xã Đ, huyện TT, tỉnh P. (Vắng mặt)

- *Bị đơn:* Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1991; Địa chỉ: Khu 3, xã Đ, huyện TT, tỉnh P. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn là anh *Phạm Hữu K* trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H tự nguyện kết hôn với nhau ngày 04/7/2011, đăng ký tại UBND xã N, huyện K, tỉnh B. Sau khi kết hôn vợ chồng về sinh sống tại xã Đ, huyện TT, tỉnh P. Tình cảm vợ chồng bước đầu hòa thuận, đến tháng 9/2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong công việc và trong cuộc sống, dẫn đến chửi mắng, đánh nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng kể từ tháng 10/2020, hai bên sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn anh đề nghị ly hôn chị H.

- Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là cháu **Phạm Hữu Khanh**, sinh ngày 12/7/2012 và cháu **Phạm Trần Khánh An**, sinh ngày 12/11/2019. Hiện nay cháu

Khanh đang ở với anh, còn cháu An đang ở với chị H. Khi ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Khanh và đề nghị giao cho chị H nuôi dưỡng cháu An. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

*** *Tại bản tự khai bị đơn là chị Trần Thị H trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị xác định thủ tục kết hôn như anh K trình bày là đúng. Tình cảm vợ chồng bước đầu hòa thuận, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh K đề nghị ly hôn chị đồng ý.

- Về con chung: Chị và anh K có 02 con chung như anh K trình bày là đúng. Hiện nay cháu Khanh đang ở với anh K, còn cháu An đang ở với chị. Khi ly hôn chị đề nghị trực tiếp nuôi dưỡng cháu An. Nếu anh K không đủ khả năng nuôi cháu Khanh thì chị đề nghị giao cho chị nuôi cháu Khanh. Chị không đề nghị giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: Chị không đề nghị giải quyết.

Quá trình giải quyết chị H và anh K đến Tòa án làm việc viết Bản tự khai, sau đó chị H không đến Tòa án làm việc dù được thông báo hợp lệ.

*** *Qua xác minh tại UBND xã Đ xác định:***

Hiện tại chị Trần Thị H vẫn cư trú tại địa phương. Cuộc sống vợ chồng giữa anh K và chị H thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc, tuy nhiên thời gian gần đây đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp nhau trong cuộc sống, không cùng nhau đoàn kết xây dựng hạnh phúc gia đình. Anh K và chị H có 02 con chung là cháu Phạm Hữu Khanh và cháu Phạm Trần Khánh An. Hiện nay cháu Khanh ở cùng anh K; còn cháu An ở cùng với chị H. Lý do các bên đề nghị nuôi con chung là do nguyện vọng của người làm cha làm mẹ muốn được nuôi dưỡng con.

UBND xã Đ đề nghị Tòa án nhân dân huyện TT căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự, bảo đảm quyền lợi cho người phụ nữ và trẻ em.

*** *Phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy tại phiên tòa (Có bài phát biểu lưu trong hồ sơ):***

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh K: Xử cho anh K được ly hôn chị H; Về con chung: Giao cho anh K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Hữu Khanh, sinh ngày 12/7/2012; Giao cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Trần Khánh An, sinh ngày 12/11/2019. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này; Về án phí: Anh K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp và được thẩm tra công khai tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Anh K do điều kiện bận công việc nên anh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho chị H về việc thụ lý vụ án, chị H đã đến Tòa án và trình bày bản tự khai, nhưng sau đó Tòa án đã nhiều lần thông báo, triệu tập hợp lệ cho chị H đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tuy nhiên chị H đều vắng mặt không có lý do, vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được.

Căn cứ Điểm b, Khoản 2, Điều 227 và Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

2. Về nội dung:

[1] Xét về quan hệ hôn nhân: Anh K kết hôn với chị H vào năm 2011, việc kết hôn là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện K, tỉnh B, đây là một hôn nhân hợp pháp. Anh K xác định vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn và đã cắt đứt quan hệ tình cảm từ tháng 10/2020 cho đến nay, Hiện nay anh xác định tình cảm đã hết, anh đề nghị được ly hôn. Chị H xác định vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân và không còn tình cảm với nhau nên chị H đồng ý ly hôn anh K.

Như vậy HĐXX thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của anh K, xử cho anh được ly hôn chị H tránh ràng buộc không có lợi.

[2] Về con chung: Chị H và anh K có 02 con chung là cháu Phạm Hữu Khanh, sinh ngày 12/7/2012 và cháu Phạm Trần Khánh An, sinh ngày 12/11/2019. Ly hôn anh K đề nghị nuôi cháu Khanh và đề nghị giao cho chị H nuôi cháu An. Chị H thể hiện quan điểm thống nhất theo đề nghị của anh K. Cháu Khanh có nguyện vọng được ở cùng anh K. Do vậy cần giao cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng cháu Khanh và giao cho chị H trực tiếp nuôi cháu An. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Anh K và chị H không đề nghị Tòa án giải quyết, do đó HĐXX không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Quyền kháng cáo: Các bên được quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ Khoản 4, Điều 147; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

* Áp dụng: Khoản 1, Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

* Căn cứ Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Hữu K được ly hôn chị Trần Thị H.

2. Về con chung: Xử giao cho anh Phạm Hữu K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Hữu Khanh, sinh ngày 12/7/2012. Giao cho chị Trần Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Trần Khánh An, sinh ngày 12/11/2019; kể từ tháng 4/2021 cho đến khi các cháu thành niên.

Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, về nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này do các bên không yêu cầu.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh K phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2018/0000630 ngày 20/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh P.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã N,
- huyện K, tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Viết Tú